



Bộ, tỉnh: Tây Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Tây Ninh
Mã đơn vị: 1023459
Loại hình đơn vị: Cơ quan hành chính nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2022

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Xe ô tô		5	3.121.120.000	3.121.120.000	-	1.353.308.248	-	-	-	-	-	-	-	
1	Xe ô tô Toyota ZACE 7 chỗ BS: 70B-0777	Cơ quan	1	462.500.000	462.500.000		-		X						
2	Xe ô tô Toyota Corolla-Altis 4 chỗ BS: 70B-0629	Cơ quan	1	289.300.000	289.300.000		-		X						
3	Xe ô tô TOYOTA LAND CRUISER-GX 7 chỗ BS: 70B-0377	Cơ quan	1	315.000.000	315.000.000		272.979.000		X						
4	Xe ô tô 16 chỗ FORD TRANSIT 70A-002.32	Cơ quan	1	916.000.000	916.000.000		549.416.800		X						
5	Xe ô tô Toyota Hiace 16 chỗ BS: 70A-001.92	Cơ quan	1	1.138.320.000	1.138.320.000		530.912.448			X					
II	Tài sản cố định khác		171	4.746.270.831	4.735.265.831	-	1.700.846.875								
1	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Nga	1	12.950.000	12.950.000		-								
2	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	PCVP Thư	1	12.950.000	12.950.000		-								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
3	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	CV Phước	1	12.950.000	12.950.000		-								
4	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Nhung	1	12.950.000	12.950.000		-								
5	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Dung	1	12.950.000	12.950.000		-								
6	Máy tính bộ Dell VOS 3668MT + LCD Dell 19.5" E 2016 HV	Nhàn	1	12.950.000	12.950.000		-								
7	CPU Intel Core i5-6400	Nga	1	11.700.000	11.700.000		-								
8	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Tâm	1	12.970.000	12.970.000		-								
9	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Cần	1	12.970.000	12.970.000		-								
10	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Ninh	1	12.970.000	12.970.000		-								
11	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Phuong	1	12.970.000	12.970.000		-								
12	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Thảo	1	12.970.000	12.970.000		-								
13	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Nhi	1	12.970.000	12.970.000		-								
14	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Lộc	1	12.970.000	12.970.000		-								
15	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Hường	1	12.970.000	12.970.000		-								
16	Máy tính bộ Dell E2016 HV + CPU Intel Core i5-7400	Trung	1	12.970.000	12.970.000		-								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
17	Máy vi tính bộ ASUS	Nhà ăn	1	12.950.000	12.950.000		-								
18	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
19	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
20	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
21	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
22	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
23	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
24	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
25	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
26	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
27	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
28	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
29	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
30	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
31	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
32	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
33	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
34	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
35	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
36	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
37	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
38	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
39	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
40	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
41	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
42	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
43	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
44	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
45	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
46	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
47	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
48	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
49	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
50	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
51	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
52	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
53	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
54	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
55	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
56	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
57	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
58	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
59	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
60	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
61	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
62	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
63	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
64	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
65	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
66	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
67	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HEND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
68	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
69	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	ĐB HĐND	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
70	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	Dự phòng	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
71	Máy tính bảng iPad Air 4 Wifi 256 GB	Dự phòng	1	17.835.000	17.835.000		14.268.000								
72	Máy tính xách tay HP Probook 440G6	CVP Khánh	1	14.500.000	14.500.000		5.800.000								
73	Máy tính xách tay HP Probook 440G7	PCT Thy	1	14.500.000	14.500.000		5.800.000								
74	Máy tính HP Probook 440G8	PB Hiếu	1	15.000.000	15.000.000		9.000.000								
75	Máy tính HP Probook 440G8	PB Cường	1	15.000.000	15.000.000		9.000.000								
76	Máy tính HP Probook 440G8	PB Chi	1	15.000.000	15.000.000		9.000.000								
77	Máy tính HP Probook 440G8	PB Khánh	1	15.000.000	15.000.000		9.000.000								
78	Máy tính HP Probook 440G8	PB Tấn	1	15.000.000	15.000.000		9.000.000								
79	Máy tính xách tay HP 348 G7 Notebook PC	PCT Thy	1	14.215.177	14.215.177		8.529.106								
80	Máy tính xách tay HP 348 G7 Notebook PC	PD Thúy	1	14.215.177	14.215.177		8.529.106								
81	Máy tính xách tay HP 348 G7 Notebook PC	PCVP Chi	1	14.215.177	14.215.177		8.529.106								
82	Máy tính xách tay HP 348 G7 Notebook PC	TP Hương	1	14.215.177	14.215.177		8.529.106								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					NS	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
83	Máy vi tính xách tay HP Probook 430G4 Z6T06PA (Bạc)	Phòng HCTCQT (PP Duyệt)	1	13.000.000	13.000.000		-							
84	Máy vi tính xách tay HP Probook 430G4 Z6T06PA (Bạc)	Phòng CTQH (PP Ngọc)	1	13.000.000	13.000.000		-							
85	Máy scan HP 7000S3	Văn thư	1	22.000.000	22.000.000		13.200.000							
86	Máy vi siêu tốc Duplo DP-T450	P.Photo	1	190.230.000	190.230.000		-							
87	Máy photo Canon IR2530	P.Photo	1	63.500.000	63.500.000		7.937.500							
88	Máy photo Canon IR2635	P.Photo	1	90.000.000	90.000.000		67.500.000							
89	Máy Photocopy Canon IR2530	Phòng HCTCQT (Kế toán)	1	63.500.000	63.500.000		15.875.000							
90	Máy Photocopy Canon IR2530W	Photo	1	89.850.000	89.850.000		33.693.750							
91	Máy ảnh Nikon	Phòng HCTCQT (CV Tâm)	1	31.000.000	31.000.000		-							
92	Bộ điều khiển trung tâm Bosh CCS-CUD	PH1	1	28.840.000	17.835.000		11.536.000							
93	Máy lạnh Toshiba 18WP	CVP Khánh	1	10.599.999	10.599.999		-							
94	Máy lạnh 2HP	PCT Thy	1	14.350.600	14.350.600		-							
95	Máy lạnh 2HP	PB Chi	1	14.350.600	14.350.600		-							
96	Máy lạnh 2HP	PB Khánh	1	14.350.600	14.350.600		-							
97	Máy lạnh 2HP	PB Tấn	1	14.350.600	14.350.600		-							

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
98	Máy lạnh 2HP	Kho chủ V.Hùng	1	14.350.600	14.350.600		-								
99	Máy lạnh Toshiba 2HP	PCT Phong	1	15.900.000	15.900.000		5.962.500								
100	Máy lạnh Toshiba	ĐD Thủy	1	17.560.000	17.560.000		8.780.000								
101	Máy lạnh Toshiba	Phòng HCTCQT (Phòng Kế toán)	1	17.560.000	17.560.000		8.780.000								
102	Máy lạnh Toshiba	PCVP Chi	1	17.560.000	17.560.000		8.780.000								
103	Máy lạnh Toshiba	Phòng HCTCQT (PP Nhân)	1	19.831.500	19.831.500		9.915.750								
104	Máy lạnh Toshiba	Phòng CTQH	1	19.831.500	19.831.500		9.915.750								
105	Máy lạnh Panasonic Inveter 2HP	Lễ tân	1	24.500.000	24.500.000		21.437.500								
106	Máy lạnh Panasonic Inveter 2HP	Lễ tân	1	24.500.000	24.500.000		21.437.500								
107	Máy lạnh Panasonic Inveter 2HP	Nhà ăn	1	24.500.000	24.500.000		21.437.500								
108	Máy lạnh Panasonic Inveter 2HP	Nhà ăn	1	24.500.000	24.500.000		21.437.500								
109	Bàn làm việc (Chủ tịch)	PCT Thy	1	13.860.000	13.860.000		-								
110	Bàn làm việc (PCT)	PB Chi	1	11.880.000	11.880.000		-								
111	Bàn làm việc (PCT)	PCT Phong	1	11.880.000	11.880.000		-								
112	Salon gỗ (lễ tân)	Lễ tân	1	77.000.000	77.000.000		-								
113	Salon triển cột (Chủ tịch)	PCT Thy	1	33.660.000	33.660.000		-								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
114	Salon mẫu đảo (Phó CT)	PB Chi	1	24.750.000	24.750.000		-								
115	Salon mẫu đảo (Phó CT)	PCT Phong	1	24.750.000	24.750.000		-								
116	Salon muốn gỗ cẩm thị (CVP)	PCVP Thư	1	17.820.000	17.820.000		-								
117	Salon mẫu Đài Loan	PB Cường	1	11.275.000	11.275.000		-								
118	Salon mẫu Đài Loan	PB Mai (cũ)	1	11.275.000	11.275.000		-								
119	Salon mẫu Đài Loan	PB Tấn	1	11.275.000	11.275.000		-								
120	Salon mẫu Đài Loan	PD Thủy	1	11.275.000	11.275.000		-								
121	Bộ bàn ghế Salon cẩm	PCVP Chi	1	12.600.000	12.600.000		-								
122	Bộ bàn ghế Salon cẩm	PB Hiếu	1	13.935.000	13.935.000		-								
123	Bộ bàn ăn nhà bếp	Nhà ăn	1	21.570.000	21.570.000		18.873.750								
124	Bộ bàn ăn nhà bếp	Nhà ăn	1	21.570.000	21.570.000		18.873.750								
125	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16.500.000	16.500.000		-								
126	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16.500.000	16.500.000		-								
127	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16.500.000	16.500.000		-								
128	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16.500.000	16.500.000		-								
129	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16.500.000	16.500.000		-								
130	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16.500.000	16.500.000		-								
131	Ghế đại biểu (lễ tân)	Lễ tân	1	16.500.000	16.500.000		-								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn NS	Nguồn khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
147	Thiết bị định tuyến không dây Cisco Air-CAP2702E -E-K9	HCTCQT	1	21.000.000	21.000.000										
148	Thiết bị chuyển mạch 24port Cisco WS-C2960 + 24TC-S	HCTCQT	1	14.000.000	14.000.000										
149	Thiết bị chuyển mạch 24port Cisco WS-C2960 + 24TC-S	HCTCQT	1	14.000.000	14.000.000										
150	Thiết bị lưu điện UPS APC Smart-UPS 2200VA	HCTCQT	1	18.000.000	18.000.000										
151	Thiết bị lưu điện UPS APC Smart-UPS 2200VA	HCTCQT	1	18.000.000	18.000.000										
152	Draytek Vigor 3900 Router Firewall	HCTCQT	1	22.000.000	22.000.000										
153	Draytek Vigor 3900 Router Firewall	HCTCQT	1	22.000.000	22.000.000										
154	Phòng hội trường + lễ tân	Lễ tân	1	14.392.224	14.392.224										
155	Thảm lót sàn 128m2	PH1	1	89.600.000	89.600.000		71.680.000								
156	Màn cửa vải gấm 81,76m2	PH1	1	32.704.000	32.704.000		26.163.200								
157	Thảm lót sàn 23,6m2	PH2	1	16.520.000	16.520.000		13.216.000								
158	Thảm lót sàn 45,82m2	Lễ tân	1	32.074.000	32.074.000		25.659.200								
159	Màn cửa vải gấm 34,16m2	Lễ tân	1	13.664.000	13.664.000		10.931.200								
160	Cửa đi phòng Lễ tân	Lễ tân	1	10.390.000	10.390.000		8.312.000								
161	Màn cửa vải gấm 34,16m2	Nhà ăn	1	13.664.000	13.664.000		10.931.200								

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					NS	Nguyên khác									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
162	Máy tích điện chạy tự động Emerson Liebert ITA	Lầu 1	1	300.000.000	300.000.000		37.500.000								
163	Cây xanh, hòn non bộ	Trụ sở HĐND	1	59.600.000	59.600.000		-								
164	Thiết bị hội nghị truyền hình hình Group 500-12x	PH1	1	334.049.000	334.049.000		200.429.400								
165	Smart Tivi 85 inch QA85Q70A	PH1	1	77.000.000	77.000.000		46.200.000								
166	Smart Tivi 85 inch QA85Q70A	PH1	1	77.000.000	77.000.000		46.200.000								
167	Phần mềm Microsoft Window Small		1	22.122.000	22.122.000										
168	Phần mềm Microsoft MS		1	25.804.000	25.804.000										
169	Phần mềm Kế toán Misa 2017		1	13.500.000	13.500.000										
170	Phần mềm phục vụ trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH-HĐND		1	442.990.000	442.990.000										
171	Phần mềm Kế toán Misa		1	9.850.000	9.850.000		-								
Tổng cộng				7.867.390.831	7.856.385.831	-	3.054.155.123								

Ngày 06 tháng 02 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Tuyết Thu

Người lập biểu

Abhi

Lê Thị Anh Thư